

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

THÔNG TƯ số 03/2000/TT-NHNN5
ngày 16/3/2000 hướng dẫn thi hành
Nghị định số 89/1999/NĐ-CP ngày
01/9/1999 của Chính phủ về bảo hiểm
tiền gửi.

Căn cứ Điều 23 của Nghị định số 89/1999/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 1999 của Chính phủ về bảo hiểm tiền gửi, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện Nghị định này như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH**1. Đối tượng áp dụng Thông tư này bao gồm:**

- Tổ chức tín dụng và tổ chức không phải tổ chức tín dụng được phép thực hiện một số hoạt động ngân hàng, có nhận tiền gửi bằng Đồng Việt Nam của các cá nhân;

- Các cá nhân gửi tiền tại tổ chức tín dụng, tổ chức không phải tổ chức tín dụng được phép thực hiện một số hoạt động ngân hàng;

- Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam.

2. Các tổ chức tín dụng, tổ chức không phải là tổ chức tín dụng được phép thực hiện một số hoạt động ngân hàng theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng (dưới đây gọi tắt là các tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi) hoạt động trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, có nhận tiền gửi bằng Đồng Việt Nam của cá nhân đều phải tham gia bảo hiểm tiền gửi bắt buộc.

II. CÁC LOẠI TIỀN GỬI ĐƯỢC BẢO HIỂM

Tiền gửi được bảo hiểm là tiền gửi bằng Đồng

Việt Nam của các cá nhân (bao gồm người cư trú và người không cư trú) tại tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi, gồm:

- Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn, có kỳ hạn;

- Tiền gửi không kỳ hạn, có kỳ hạn bao gồm cả tiền gửi trên tài khoản cá nhân;

- Tiền mua các chứng chỉ tiền gửi và các trái phiếu ghi danh do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi phát hành.

Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam không bảo hiểm đối với các loại chứng chỉ tiền gửi và các trái phiếu vô danh do tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi phát hành.

III. THỦ TỤC ĐĂNG KÝ THAM GIA BẢO HIỂM TIỀN GỬI**1. Các tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi phải tiến hành đăng ký như sau:**

1.1. Thời hạn hoàn tất thủ tục đăng ký tham gia bảo hiểm tiền gửi không quá 30 ngày kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực. Đối với tổ chức được cấp giấy phép hoạt động sau ngày Thông tư này có hiệu lực, phải hoàn tất thủ tục này trong vòng 30 ngày trước khi khai trương hoạt động.

1.2. Hồ sơ đăng ký tham gia bảo hiểm tiền gửi bao gồm:

a) Phiếu đăng ký tham gia bảo hiểm tiền gửi;

b) Hồ sơ pháp lý và hoạt động của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi (bản sao có công chứng) bao gồm:

- Quyết định thành lập hoặc giấy phép thành lập và hoạt động do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp;

09661387

- Điều lệ tổ chức và hoạt động;
- Danh sách thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc) và Ban Kiểm soát;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- Các báo cáo tài chính trong vòng 3 năm gần nhất (hoặc trong những năm gần nhất đối với những tổ chức mới thành lập dưới 3 năm) có xác nhận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc của một cơ quan kiểm toán được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

Riêng đối với tổ chức không phải tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngân hàng còn phải gửi kèm Điều lệ hoặc Quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị chủ quản hoặc đơn vị mình là thành viên.

2. Tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi bị chấm dứt tham gia bảo hiểm tiền gửi có thể được phục hồi trở lại quyền được bảo hiểm sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ đối với Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền có văn bản cho phép được phục hồi quyền nhận tiền gửi của cá nhân đối với tổ chức đó. Hồ sơ, thủ tục để tiếp nhận thực hiện như quy định tại điểm 1 Mục này.

3. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đăng ký tham gia bảo hiểm tiền gửi, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam có trách nhiệm hoàn tất thủ tục tham gia bảo hiểm tiền gửi đối với tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi.

4. Trong quá trình hoạt động, nếu có những thay đổi về nội dung hoạt động được cấp có thẩm quyền chấp thuận, tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi phải gửi ngay cho Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam để bổ sung hồ sơ tham gia bảo hiểm tiền gửi.

IV. PHÍ BẢO HIỂM TIỀN GỬI

1. Hàng năm, tổ chức tham gia bảo hiểm tiền

gửi phải nộp cho Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam một khoản phí bằng 0,15%/năm tính trên số dư tiền gửi bình quân của các loại tiền gửi được bảo hiểm tại tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi.

a) Tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi có trách nhiệm tính và nộp phí cho Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam theo mức quy định. Phí bảo hiểm tiền gửi được tính bốn kỳ trong một năm theo các quý và được nộp vào ngày cuối của tháng đầu quý tiếp theo (nếu những ngày trên trùng với ngày nghỉ cuối tuần hoặc ngày nghỉ lễ, Tết thì ngày nộp phí là ngày làm việc đầu tiên sau các ngày nghỉ đó);

b) Số phí phải nộp cho mỗi kỳ tính bằng công thức sau đây:

$$P = \frac{S_0 + S_3}{2} + S_1 + S_2 \times \frac{0,15}{100 \times 4}$$

Trong đó:

- P là số phí bảo hiểm phải nộp trong kỳ;
- S_0 là số dư tiền gửi được bảo hiểm đầu kỳ thu phí;
- S_1, S_2, S_3 là số dư tiền gửi được bảo hiểm ở cuối các tháng tương ứng trong kỳ;
- 0,15
———— là tỷ lệ phí phải nộp cho một kỳ trong 100 x 4 năm;

c) Trong trường hợp tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền có văn bản tuyên bố chấm dứt hoạt động nhận tiền gửi, tổ chức đó phải nộp số phí còn thiếu tính đến hết ngày có quyết định chấm dứt nhận tiền gửi;

d) Trong quá trình kiểm tra tình hình nộp phí bảo hiểm tiền gửi tại tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi, nếu phát hiện thấy có sự thiếu chính xác

trong việc tính và nộp phí, tổ chức bảo hiểm tiền gửi sẽ truy thu số phí còn thiếu hoặc thoả thu đối với số phí nộp thừa và có thể áp dụng một trong các hình thức xử lý sau:

- Cảnh cáo;

- Phạt tiền đối với số phí nộp thiếu theo mức do Hội đồng Quản trị của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam quy định, nhưng không được cao hơn mức quy định nêu tại điểm 2 dưới đây.

2. Tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi vi phạm thời hạn nộp phí bảo hiểm quy định ngoài việc nộp đủ số phí còn thiếu còn phải chịu phạt theo mức 0,1%/ngày đối với số phí chậm nộp.

3. Nếu quá thời hạn nộp phí bảo hiểm tiền gửi 30 ngày (kể cả ngày nghỉ cuối tuần và nghỉ lễ, Tết) theo quy định tại điểm 1.a mục này mà tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi chưa nộp đủ phí bảo hiểm tiền gửi, tổ chức bảo hiểm tiền gửi có quyền:

- Yêu cầu Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng hoặc Kho bạc nhà nước nơi giữ tài khoản tiền gửi của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi trích tài khoản tiền gửi của tổ chức đó để chuyển nộp phí bảo hiểm tiền gửi. Số tiền trích chuyển này bao gồm cả tiền phạt theo quy định tại điểm 1 và 2 Mục IV của Thông tư này.

- Trong trường hợp trên tài khoản của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi không đủ số dư để thực hiện việc trích nộp nói trên, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam yêu cầu Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng hoặc Kho bạc nhà nước trích để nộp phí bảo hiểm tiền gửi trước và tiền phạt sau, đồng thời thông báo bằng văn bản cho tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi yêu cầu nộp phần còn thiếu.

4. Quá thời hạn nộp phí bảo hiểm tiền gửi 90 ngày (kể cả ngày nghỉ cuối tuần và ngày nghỉ lễ, Tết) theo quy định tại điểm 1.a mục này mà tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi vẫn không nộp

đủ phí bảo hiểm tiền gửi, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam sẽ xử lý như sau:

- Ra quyết định chấm dứt bảo hiểm tiền gửi và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng;

- Đề nghị Ngân hàng Nhà nước ra quyết định ngừng huy động tiền gửi cá nhân của tổ chức đó.

Trong trường hợp tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi bị Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam quyết định chấm dứt bảo hiểm tiền gửi, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam sẽ tiếp tục chịu trách nhiệm chi trả bảo hiểm đối với khoản tiền gửi được bảo hiểm gửi trước ngày có quyết định chấm dứt bảo hiểm tiền gửi và trách nhiệm này được thực hiện trong thời gian 180 ngày (kể cả ngày nghỉ cuối tuần và ngày lễ, Tết) kể từ ngày có quyết định chấm dứt bảo hiểm tiền gửi, nếu trong thời gian đó tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi bị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền tuyên bố chấm dứt hoạt động và tổ chức đó mất khả năng thanh toán. Số tiền bảo hiểm này bao gồm cả lãi phát sinh tính tới thời điểm bị tuyên bố chấm dứt hoạt động.

5. Việc thu phí bảo hiểm tiền gửi được thực hiện thông qua hội sở của các tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi hoặc theo phương thức khác do Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam và tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi thỏa thuận.

6. Hàng năm, căn cứ vào quyết toán của cơ quan quản lý tài chính nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi (bao gồm cả cơ quan thuế), Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam có thể điều chỉnh lại tổng số phí bảo hiểm tiền gửi phải nộp trong năm của tổ chức đó.

V. GIÁM SÁT RỦI RO VÀ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

1. Tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi có trách

nhiệm gửi cho Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam các loại báo cáo theo quy định sau đây:

a) Đối với tổ chức tín dụng:

- Bảng tính toán phí bảo hiểm tiền gửi phải nộp theo định kỳ quý;

- Bảng cân đối tài khoản định kỳ quý, 6 tháng, 1 năm;

- Báo cáo đánh giá tình hình hoạt động 6 tháng và một năm;

- Báo cáo khác theo yêu cầu của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam.

b) Đối với tổ chức không phải tổ chức tín dụng:

- Bảng tính toán phí bảo hiểm tiền gửi phải nộp theo định kỳ quý;

- Bảng cân đối tài khoản định kỳ quý, 6 tháng, 1 năm;

- Báo cáo đánh giá về hoạt động huy động tiền gửi cá nhân của các cơ quan thanh tra, kiểm toán hoặc các báo cáo khác có liên quan (nếu có);

- Các báo cáo khác theo yêu cầu của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam.

2. Tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi phải báo cáo ngay với Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam trong những trường hợp sau đây:

a) Khi gặp khó khăn về khả năng chi trả:

- Tổng số tiền chi trả bị thiếu hụt phải xử lý;

- Lý do dẫn đến tình trạng khó khăn này;

- Cơ cấu tiền gửi được bảo hiểm;

- Dự kiến hậu quả của những khó khăn này và các biện pháp khắc phục;

- Kiến nghị đối với Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam và với các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

b) Khi tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi có sự thay đổi về thành phần Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc).

c) Ngoài các nội dung nêu trên, tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi không phải là tổ chức tín dụng phải báo cáo cho Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam trong các trường hợp sau đây:

- Khi thay đổi về chiến lược, định hướng hoạt động trong các lĩnh vực kinh doanh chủ yếu có liên quan đến huy động tiền gửi của đơn vị mình và của đơn vị chủ quản;

- Khi gặp khó khăn do các rủi ro đột xuất.

3. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi có trách nhiệm gửi cho Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam các báo cáo sau đây:

- Bảng tổng kết tài sản năm đã được xác nhận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc của cơ quan kiểm toán được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận;

- Báo cáo tình hình lỗ, lãi của đơn vị.

4. Trong quá trình giám sát và kiểm tra đối với tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi, nếu phát hiện tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi vi phạm các quy định về an toàn trong hoạt động ngân hàng, về bảo hiểm tiền gửi và các quy định tại Thông tư này, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam có quyền yêu cầu tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi phải có biện pháp khắc phục ngay tình trạng vi phạm các quy định đó, đồng thời báo cáo ngay bằng văn bản với Ngân hàng Nhà nước để có biện pháp theo dõi, xử lý.

5. Trong trường hợp xét thấy hoạt động của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi có nguy cơ dẫn đến mất khả năng chi trả, có thất thoát lớn về vốn và tài sản, hoặc có tác động xấu nghiêm trọng tới các tổ chức tín dụng khác thì Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam báo cáo Ngân hàng Nhà nước và đồng

thời yêu cầu tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi có biện pháp chấn chỉnh kịp thời.

6. Trách nhiệm của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam và các cơ quan chức năng của Nhà nước trong việc phối kết hợp giám sát, quản lý hoạt động của các tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi:

a) Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam có trách nhiệm:

- Phối hợp chặt chẽ với Thanh tra Ngân hàng Nhà nước để nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động ngân hàng của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi;

- Báo cáo ngay cho Ngân hàng Nhà nước và cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền các nội dung liên quan được quy định tại điểm 4 và 5 Mục V trên đây;

- Báo cáo về các nội dung liên quan khác theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước và cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

- Bảo mật các thông tin về tổ chức tín dụng theo chế độ hiện hành.

b) Các đơn vị liên quan của Ngân hàng Nhà nước và Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam có trách nhiệm phối hợp cùng nhau để giám sát việc thu phí, nắm thông tin liên quan đến tổ chức và hoạt động của các tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi.

c) Kho bạc nhà nước và các tổ chức tín dụng, nơi tổ chức không phải là tổ chức tín dụng tham gia bảo hiểm tiền gửi mở tài khoản có trách nhiệm trích tài khoản của các tổ chức này theo yêu cầu của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam.

VI. HỖ TRỢ, XỬ LÝ CỦA BẢO HIỂM TIỀN GỬI VIỆT NAM ĐỐI VỚI TỔ CHỨC THAM GIA BẢO HIỂM TIỀN GỬI CÓ NGUY CƠ MẤT KHẢ NĂNG CHI TRẢ

Trong trường hợp tổ chức tham gia bảo hiểm

tiền gửi có nguy cơ mất khả năng chi trả nhưng chưa đến mức đặt trong tình trạng kiểm soát đặc biệt, sau khi xác định rằng việc tiếp tục hoạt động của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi này có vai trò quan trọng đối với sự bảo đảm an toàn của toàn hệ thống và sự ổn định chính trị, kinh tế và xã hội thì Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam có thể hỗ trợ bằng các hình thức sau đây:

1. Cho vay hỗ trợ để chi trả tiền gửi được bảo hiểm;
2. Bảo lãnh cho các khoản vay đặc biệt của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi để có tiền chi trả tiền gửi được bảo hiểm;
3. Mua lại nợ của các khách hàng của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi. Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam chỉ mua lại các khoản nợ có đảm bảo.

Việc áp dụng các biện pháp hỗ trợ nêu trên do Hội đồng quản trị Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam xem xét, quyết định trên cơ sở các quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về tái cấp vốn, về bảo lãnh và mua lại nợ.

VII. CHI TRẢ CHO NGƯỜI GỬI TIỀN KHI TỔ CHỨC THAM GIA BẢO HIỂM TIỀN GỬI BỊ CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ MẤT KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Khi tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền có văn bản chấm dứt hoạt động và tổ chức đó bị mất khả năng thanh toán, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam sẽ tiến hành việc chi trả tiền bảo hiểm cho người gửi tiền theo quy trình sau đây:

1. Lập bảng kê danh sách người gửi tiền:

- Trong vòng 15 ngày kể từ ngày có văn bản chấm dứt hoạt động nhận tiền gửi cá nhân của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tham gia bảo hiểm

tiền gửi phải lập xong bảng kê danh sách người gửi tiền tại tổ chức của mình và gửi cho Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam;

- Sau khi nhận được bảng kê danh sách người gửi tiền, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam cùng với tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi tiến hành kiểm tra bảng kê danh sách người gửi tiền và số tiền mà Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam phải trả đối với từng người gửi tiền;

- Sau khi thống nhất danh sách những người gửi tiền và tổng số tiền mà Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam phải trả theo quy định, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam trình Hội đồng quản trị phê duyệt làm cơ sở tổ chức triển khai việc chi trả;

- Ngay sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam phải thông báo việc chi trả này trên các phương tiện thông tin đại chúng.

2. Đăng ký nhận tiền bảo hiểm:

a) Người gửi tiền thực hiện việc đăng ký nhận tiền bảo hiểm. Việc chi trả tiền bảo hiểm cho người gửi tiền được tiến hành tại các địa điểm sau:

- Tại trụ sở của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi;

- Tại trụ sở chính, chi nhánh hay văn phòng đại diện của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam;

- Tại tổ chức tín dụng khác do người gửi tiền lựa chọn;

- Tại địa chỉ do người gửi tiền chỉ định trong Phiếu đăng ký. Phí chuyển tiền do người gửi tiền được bảo hiểm chịu;

b) Người gửi tiền có thể lựa chọn một trong các phương thức thanh toán sau:

- Tiền mặt;

- Chuyển khoản.

3. Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam chỉ chi trả cho người gửi tiền khi đủ các điều kiện sau:

- Có tên trong danh sách đã được sự phê duyệt của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi và Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam;

- Có các giấy tờ chứng minh quyền sở hữu hợp pháp đối với các khoản tiền gửi của mình tại tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi (sổ tiết kiệm, chứng chỉ tiền gửi, giấy tờ có giá...) cùng với giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu.

Trường hợp người gửi tiền đánh mất các giấy tờ như sổ tiết kiệm, chứng chỉ tiền gửi có ghi danh, giấy tờ có giá, hộ chiếu, chứng minh nhân dân... thì việc chi trả tiền bảo hiểm cho người gửi tiền được xử lý theo hướng dẫn của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam.

4. Chi trả tiền bảo hiểm:

a) Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam có trách nhiệm niêm yết thông báo cũng như danh sách những người gửi tiền được chi trả tại trụ sở chính và chi nhánh tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi bị tuyên bố chấm dứt hoạt động và tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam;

b) Sau khi hoàn tất các thủ tục, nội dung liên quan nêu tại điểm 1, 2 và 3 trên đây, trong vòng 15 ngày Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam tiến hành việc chi trả tiền bảo hiểm cho người gửi tiền tại các địa điểm mà người gửi tiền đã đăng ký. Việc chi trả được tiến hành như sau:

- Mức tiền tối đa mà một người gửi tiền tại một tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi được Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam trả là 30 triệu đồng (gồm cả gốc và lãi);

- Người có tổng số tiền gửi (gồm cả gốc và lãi) tại một tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi bằng hoặc nhỏ hơn 30 triệu đồng sẽ được Bảo hiểm tiền

gửi Việt Nam trả đủ 100%. Người gửi tiền có tổng số tiền gửi (gồm gốc và lãi) lớn hơn 30 triệu đồng tại một tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi thì phần vượt so với quy định trên đây sẽ được hoàn trả trong quá trình thanh lý tài sản của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi bị phá sản phù hợp với quy định của pháp luật về phá sản doanh nghiệp;

- Trong trường hợp người gửi tiền có nghĩa vụ nợ đối với tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi bị tuyên bố chấm dứt hoạt động và mất khả năng thanh toán, việc chi trả tiền bảo hiểm được thực hiện sau khi đã trừ các khoản nợ của người gửi tiền theo đề nghị của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi.

c) Chi trả tiền bảo hiểm cho các trường hợp khác:

- Người gửi tiền sau khi đã đăng ký muốn thay đổi địa điểm nhận tiền bảo hiểm phải thông báo cho Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam. Trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo thay đổi địa điểm, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam xem xét giải quyết;

- Trong điều kiện vì lý do khách quan, người được nhận tiền bảo hiểm có thể ủy quyền cho người khác đến nhận. Người được ủy quyền phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, phải xuất trình giấy ủy quyền có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền theo luật pháp Việt Nam, cùng với giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu;

- Nếu người gửi tiền xuất cảnh để định cư ở nước ngoài hoặc chết thì Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam sẽ tiến hành thủ tục chi trả theo sự ủy quyền của chủ sở hữu và theo quy định của pháp luật Việt Nam về thừa kế tài sản.

d) Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam được quyền không chi trả tiền bảo hiểm nếu có cơ sở chứng minh rằng khoản tiền gửi đó không thuộc đối tượng được bảo hiểm.

VIII. QUẢN LÝ VÀ THANH LÝ TÀI SẢN ĐỐI VỚI TỔ CHỨC THAM GIA BẢO HIỂM TIỀN GỬI BỊ PHÁ SẢN

1. Trong trường hợp tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi bị phá sản, thì Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam trở thành chủ nợ đối với tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi đó với số tiền mà Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam đã chi trả cho người gửi tiền và được quyền tham gia quá trình quản lý và thanh lý tài sản của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi bị phá sản.

2. Số tiền thu hồi được từ việc thanh lý tài sản của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi bị phá sản được bổ sung vào nguồn vốn hoạt động của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam.

IX. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký.

2. Tiền gửi tại các tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi nêu tại Mục II Thông tư này được bảo hiểm kể từ ngày tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi thực hiện việc đăng ký tham gia bảo hiểm tiền gửi và được Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam chấp thuận. Các khoản tiền gửi được bảo hiểm là các khoản tiền gửi trước ngày tham gia bảo hiểm còn số dư vào ngày tham gia bảo hiểm và các khoản tiền gửi phát sinh kể từ ngày tham gia bảo hiểm. Tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi có trách nhiệm nộp phí bảo hiểm tiền gửi kể từ ngày được chấp thuận. Phí bảo hiểm tiền gửi kỳ đầu được tính theo nguyên tắc quy định tại Thông tư này và nộp theo hướng dẫn của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam.

3. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám

đốc Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, chịu trách nhiệm tổ chức, hướng dẫn, triển khai thực hiện Thông tư này.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thi hành Thông tư này phản ánh kịp thời về Ngân hàng Nhà nước. Việc bổ sung, sửa đổi Thông tư này do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định./.

KT. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước
Phó Thống đốc

TRẦN MINH TUẤN

**QUYẾT ĐỊNH số 92/2000/QĐ-NHNN7
ngày 17/3/2000 về việc mang ngoại
tệ tiền mặt, Đồng Việt Nam bằng
tiền mặt đối với cá nhân xuất nhập
cảnh bằng giấy thông hành xuất
nhập cảnh hoặc giấy chứng minh
biên giới.**

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 01/1997/QH10 ngày 12/12/1997;

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02/3/1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 63/1998/NĐ-CP ngày 17/8/1998 của Chính phủ về quản lý ngoại hối;

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại
hối,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh.

1. Quyết định này quy định việc mang ngoại tệ tiền mặt và Đồng Việt Nam bằng tiền mặt (sau đây gọi là ngoại tệ và Đồng Việt Nam) của cá nhân xuất, nhập cảnh qua cửa khẩu biên giới của Việt Nam bằng giấy thông hành xuất nhập cảnh hoặc giấy chứng minh biên giới do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc các nước có chung biên giới cấp (sau đây gọi là cá nhân).

2. Cá nhân xuất, nhập cảnh bằng hộ chiếu mang ngoại tệ tiền mặt, Đồng Việt Nam bằng tiền mặt thực hiện theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ.

Điều 2. Mang ngoại tệ và Đồng Việt Nam khi xuất cảnh.

1. Cá nhân khi xuất cảnh chỉ được mang Đồng Việt Nam và tiền của nước mình nhập cảnh theo quy định tại Điều 4 và Điều 5 Quyết định này, không được mang Đô la Mỹ hay bất cứ các loại ngoại tệ nào khác (trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này).

2. Trường hợp cá nhân khi xuất cảnh được mang Đô la Mỹ hay các loại ngoại tệ khác là số ngoại tệ đã mang vào và đã kê khai hải quan cửa khẩu khi nhập cảnh thì phải làm thủ tục khai báo hải quan và xuất trình tờ khai hải quan có xác nhận đã mang vào khi nhập cảnh. Hải quan cửa khẩu căn cứ vào tờ khai nhập cảnh lần trước để giải quyết cho mang ra nước ngoài khi xuất cảnh. Tờ khai hải quan xác nhận số ngoại tệ mang vào khi nhập cảnh lần gần nhất chỉ có